

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V60MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF: YOB	7/10/2025 DIVISION	ROLLING TOTAL	V60 - JAN PLACE	2025 POINTS	V60 - APR PLACE	2025 POINTS	V60 - NTLS PLACE	2025 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2024 POINTS
1T	Balestracci, Chris	1962	Connecticut	768	8	274	2	368	1	400	np	0
1T	Dew, Eric	1963	Northern CA	768	2	368	1	400	9	214	25	0
1T	Olivares, Frets G	1965	Gold Coast	768	1	400	5	280	2	368	np	0
4	Kaihatsu, Edward J	1959	Illinois	558	15	202	6	278	5	280	np	0
5	Pimoutkine, Roustam R	1965	Metro NYC	554	3	340	9	214	np	0	np	0
6	Hayenga, Gary M	1962	Michigan	551	11	210	8	274	6.5	277	37	0
7	Douraghy, Jamie	1959	Southern California	550	3	340	11	210	12	208	np	0
8	Voyiazakis, Emanuel	1963	Metropolitan NYC	546	13	206	3	340	18	138	np	0
9	Karolak, Dale W	1959	Michigan	420	12	208	12	208	10	212	np	0
10	Estell, Oscar M	1961	Central California	418	10	212	14	204	13	206	np	0
11	Diaz, Julio P	1964	Georgia	416	9	214	np	0	15	202	np	0
12	Denman, Matthew	1964	Southwest OH	414	6	278	np	0	19	136	np	0
13	Wilbert, Matt	1959	New England	410	np	0	16	200	11	210	np	0
14	<i>Abrahams, Paul</i>	1962	<i>GBR</i>	340	<i>np</i>	<i>0</i>	3	340	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
15	Zeiss, Gary M	1958	Southern CA	336	28	118	19	136	16	200	np	0
16	Wharton, David	1961	Southern CA	280	17	140	23	128	17	140	np	0
17	Powers, Douglas A	1966	Western WA	278	np	0	np	0	np	0	np	0
18	Fadi, Omar	1963	Virginia	276	7	276	np	0	np	0	np	0
19	Lesniak, Chuck	1962	South TX	272	18	138	20	134	23	128	np	0
20	Krauss, John W	1959	Northeast	262	19	136	np	0	24	126	np	0
21	Done, Harris	1963	Southern CA	260	20	134	24	126	np	0	np	0
22	Mahnken, Thomas G	1965	Virginia	256	21	132	25	124	25	124	np	0
23	Treanor, Donald	1958	National	252	26	122	22	130	np	0	np	0
24	Berger, Jamie	1964	Southern California	250	22	130	27	120	np	0	np	0
25	Cheng, Stephen	1961	North TX	238	24	126	np	0	31	112	np	0
26	Ryan, Sean	1959	Arizona	234	31	112	np	0	26	122	np	0
27	Wemple, Charles	1964	Gulf Coast	231	29	116	29.5	115	30	114	np	0
28	<i>Reynolds, Adam</i>	1963	<i>AUS</i>	206	<i>np</i>	<i>0</i>	13	206	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
29	Dell, George H	1958	Illinois	204	np	0	np	0	14	204	np	0
30	Yoo, Terry S	1963	Maryland	190	33	70	np	0	27	120	np	0
31	Jeffcoat, Timothy	1966	Utah-S.Idaho	187	np	0	np	0	np	0	np	0
32	Pavlovich, Robert	1959	Long Island	140	np	0	17	140	np	0	np	0
33	Chao, Pierre	1966	Capitol	134	np	0	np	0	np	0	np	0
34T	Lim, Richard	1957	Southern CA	132	np	0	21	132	np	0	np	0
34T	Hagopian, Mitchell	1959	Wisconsin	132	np	0	np	0	21	132	np	0
36	Procopio, Gregory M	1963	Orange Coast	130	np	0	np	0	22	130	np	0
37	Poole, James	1960	Gulf Coast	128	23	128	np	0	np	0	np	0
38	<i>Lima, Roberto</i>	1958	<i>BRA</i>	122	<i>np</i>	<i>0</i>	26	122	<i>np</i>	<i>0</i>	<i>np</i>	<i>0</i>
39T	Van Stein, Thomas	1961	Utah-S.Idaho	118	np	0	28	118	np	0	np	0
39T	Jenkins, Michael	1963	Metro NYC	118	np	0	np	0	28	118	np	0
41	Lynders, William	1961	Connecticut	114	30	114	np	0	np	0	np	0
42	Giraldo, Elias	1964	Orange Coast	112	np	0	31	112	np	0	np	0
43	Johanson, David B	1959	Colorado	110	32	110	np	0	np	0	np	0
44	Schneiderman, Todd	1966	New Jersey	64	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V60MF

CURRENT AS OF: 7/10/2025	V50 - JAN PLACE	2025 POINTS	V50 - APR PLACE	2025 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2025 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2024 POINTS
Balestracci, Chris	np	0	np	0	np	0	np	0
Dew, Eric	np	0	np	0	np	0	np	0
Olivares, Frets G	np	0	np	0	np	0	np	0
Kaihatsu, Edward J	np	0	np	0	np	0	np	0
Pimoutkine, Roustam R	np	0	np	0	np	0	np	0
Hayenga, Gary M	np	0	np	0	np	0	np	0
Douraghy, Jamie	np	0	np	0	np	0	np	0
Voylaziakis, Emanuel	np	0	np	0	np	0	np	0
Karolak, Dale W	np	0	np	0	np	0	np	0
Estell, Oscar M	np	0	np	0	np	0	np	0
Diaz, Julio P	np	0	np	0	np	0	np	0
Denman, Matthew	np	0	np	0	np	0	np	0
Wilbert, Matt	np	0	np	0	np	0	np	0
Abrahams, Paul	np	0	np	0	np	0	np	0
Zeiss, Gary M	np	0	np	0	np	0	np	0
Wharton, David	np	0	np	0	np	0	np	0
Powers, Douglas A	np	0	18	138	17	140	np	0
Fadi, Omar	np	0	np	0	np	0	np	0
Lesniak, Chuck	np	0	np	0	np	0	np	0
Krauss, John W	np	0	np	0	np	0	np	0
Done, Harris	np	0	np	0	np	0	np	0
Mahnken, Thomas G	np	0	np	0	np	0	np	0
Treanor, Donald	np	0	np	0	np	0	np	0
Berger, Jamie	np	0	np	0	np	0	np	0
Cheng, Stephen	np	0	np	0	np	0	np	0
Ryan, Sean	np	0	np	0	np	0	np	0
Wemple, Charles	np	0	np	0	np	0	np	0
Reynolds, Adam	np	0	np	0	np	0	np	0
Dell, George H	np	0	np	0	np	0	np	0
Yoo, Terry S	np	0	np	0	np	0	np	0
Jeffcoat, Timothy	36	67	40	63	27	120	np	0
Pavlovich, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Chao, Pierre	np	0	36	67	36	67	np	0
Lim, Richard	np	0	np	0	np	0	np	0
Hagopian, Mitchell	np	0	np	0	np	0	np	0
Procopio, Gregory M	np	0	np	0	np	0	np	0
Poole, James	np	0	np	0	np	0	np	0
Lima, Roberto	np	0	np	0	np	0	np	0
Van Stein, Thomas	np	0	np	0	np	0	np	0
Jenkins, Michael	np	0	np	0	np	0	np	0
Lynders, William	np	0	np	0	np	0	np	0
Giraldo, Elias	np	0	np	0	np	0	np	0
Johanson, David B	np	0	np	0	np	0	np	0
Schneiderman, Todd	39	64	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)